

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/DS-ST

Ngày: 23/6/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Trung

2. Ông Phạm Hoàng Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B;

Địa chỉ: Tòa nhà T, số B Đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Đăng K, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh tỉnh T.

Địa chỉ: Số C, đường C, khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Ông Võ Nguyễn Hoàng Q – Chức vụ: Chuyên trách xử lý nợ; Địa chỉ: Số C, đường C, khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần B** do ông **Võ Nguyễn Hoàng Q** đại diện trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần B (gọi tắt ngân hàng) đã cấp tín dụng cho ông **Lê Thanh T** số tiền 70.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HD0109062003560 ngày 09/6/2020. Sau khi cấp tín dụng, ông **T** sử dụng tiền và không trả lại cho Ngân hàng như đã thỏa thuận và khoản vay đã quá hạn nhóm 5. Tính đến ngày 22/12/2022, ông **T** còn nợ ngân hàng nợ gốc là 45.180.00 đồng, lãi trong hạn là 257.980 đồng, lãi quá hạn là 7.558.501 đồng, tổng cộng là 52.996.481 đồng. Ngân hàng đã đôn đốc, nhiều lần nhắc nhở yêu cầu ông **T** thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng ông **T** lẩn tránh, không thiện chí hợp tác. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **T** trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả nợ gốc tạm tính đến ngày 22/12/2022 là 52.996.481 đồng và đề nghị tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Bị đơn ông **Lê Thanh T** không nộp bản tự khai, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa theo quy định của pháp luật.

- Đề xuất hướng giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng, buộc ông **T** phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 23/6/2023 là 57.374.981 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 24/6/2023 cho đến khi trả xong hết các khoản tiền nợ. Về án phí: Buộc ông **T** phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện ông T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, ông T cư trú tại thành phố T nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về nợ gốc: Căn cứ “Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ” số HD0109062003560 ngày 09/6/2020 và các tài liệu kèm theo giữa ngân hàng và ông T thì ngày 10/6/2020 ngân hàng đã giải ngân cho ông T khoản vay 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, hình thức trả tiền là trả hàng tháng cố định là 1.460.000 đồng, tháng thứ 48 trả là 1.380.000 đồng, ngày trả cố định là ngày 25 hàng tháng. Theo chứng cứ ngân hàng cung cấp thì ông T vi phạm nghĩa vụ trả tiền và còn nợ gốc là 45.180.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không có ý kiến phản đối, không nộp chứng cứ gì thể hiện số tiền nợ gốc ngân hàng yêu cầu ông T trả là không đúng nên có căn cứ xác định ông T còn nợ ngân hàng tiền nợ gốc là 45.180.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của ngân hàng về số tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả nợ gốc thấy rằng:

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*”. Về lãi suất quá hạn: Căn cứ vào 2.4 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với ông T thì hai bên thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng lãi suất trong hạn x 150%; mức lãi suất trong hạn hai bên thỏa thuận là 14.9%/năm. Như vậy, theo các quy định nêu trên thì lãi suất quá hạn mà ngân hàng yêu cầu ông T phải trả là phù hợp quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận. Số tiền lãi quá hạn ông T có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng tính từ ngày 25/11/2021 đến ngày 23/6/2023 là 6.744.410 đồng.

Về lãi chậm trả số tiền nợ gốc: tại mục 2.4 Điều 2 của Hợp đồng, ông T và ngân hàng thỏa thuận mức lãi chậm trả là 10%/năm. Ông T vi phạm nghĩa vụ từ ngày 25/11/2021 yêu cầu của ngân hàng là phù hợp, buộc ông T phải trả lãi chậm trả tính từ ngày 25/11/2021 tới ngày 23/6/2023 là 5.450.571 đồng.

Ngoài ra theo quy định tại Án lệ số 08/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, thì ông **T** phải chịu lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả nợ gốc kể từ ngày tiếp theo là ngày 24/6/2023 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ cho ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn, nợ chậm chậm trả mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông **T** phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 45.180.000 đồng, lãi quá hạn là 6.744.410 đồng, lãi chậm trả 5.450.571 đồng, tổng cộng 57.374.981 đồng.

[3] Án phí: Do yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên ngân hàng không phải chịu án phí. Ông **T** phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tại phiên tòa có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Án lệ số 08/2016 của Tòa án nhân dân tối cao;

Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần B** đối với ông **Lê Thanh T** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc ông **Lê Thanh T** phải trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần B** số tiền nợ gốc là 45.180.000 (Bốn lăm triệu một trăm tám mươi ngàn) đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 23/6/2023 là 6.744.410 đồng (Sáu triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm mười) đồng, lãi chậm trả nợ gốc tính đến ngày 23/6/2023 là 5.450.571 (Năm triệu bốn trăm năm mươi ngàn năm trăm bảy một) đồng; tổng cộng là 57.374.981 (Năm bảy triệu ba trăm bảy mươi tư ngàn chín trăm tám mươi mốt) đồng.

Kể từ ngày 24/6/2023, tiếp tục tính lãi chậm trả trên số nợ gốc chưa trả và lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông **T** trả nợ xong.

4. Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Ông **Lê Thanh T** phải chịu 2.869.000 đồng.
- **Ngân hàng thương mại cổ phần B** không phải chịu án phí. Số tiền tạm ứng án phí **Ngân hàng thương mại cổ phần B** đã nộp là 1.325.000 đồng theo Biên lai thu số 0001694 ngày 29 tháng 12 năm 2023 được hoàn lại.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSNDTP. Tây Ninh;
- CCTHADSTP. Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thanh Hoa

